

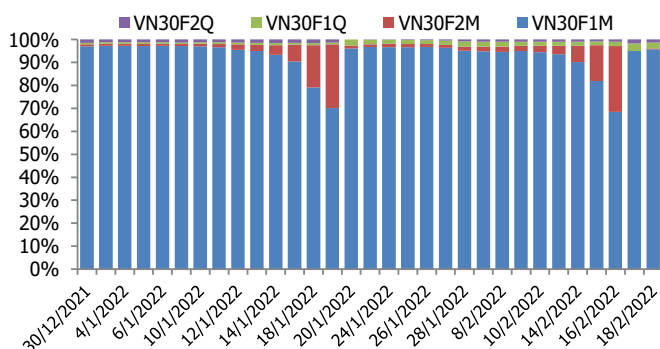
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2203 | 17/3/2022 | 25 | 1525.00 | 19,511 |
| VN30F2204 | 21/4/2022 | 60 | 1523.00 | 100 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 116 | 1509.00 | 503 |
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 207 | 1513.00 | 279 |

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến co giạt, giãng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch, các hợp đồng phân hoá mạnh với mức dao động từ -16 đến +2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,04 điểm. Do đó, basis của các HĐTL cải thiện mạnh so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 tăng lên -6,47 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng tăng lên -8,67 điểm vào cuối phiên giao dịch. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên liền trước, đạt 134.044 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại trở lại mua ròng HĐTL tháng 03 với 1.260 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 900 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở tăng/giảm đan xen trong tuần này với sự xoay vòng của dòng tiền. Dù giảm nhẹ ở phiên cuối tuần nhưng chúng tôi cho rằng thị trường đang tương đối tích cực khi thanh khoản tăng và độ rộng tốt. Bên cạnh đó, tín hiệu đáng chú ý là thị trường dường như bỏ qua ảnh hưởng từ nhóm cổ phiếu bluechips. Ngoài ra, thị trường đang được sự hỗ trợ mua ròng từ khối ngoại. Chúng tôi cho rằng, thị trường đang có sự phân hóa khi các nhóm cổ phiếu dẫn dắt lần lượt được luân phiên sử dụng, do vậy nhà đầu tư nên kiên trì với danh mục đã chọn, hạn chế đưa giá cao trong phiên tăng mạnh. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đã tăng sang tuần thứ 3 liên tiếp và giữ vững ngưỡng 1.500 điểm. Các tín hiệu kỹ thuật đang ủng hộ thị trường hướng về vùng đỉnh cũ ở 1.536 -1.556 điểm.
- Dự kiến tình trạng rung lắc sẽ còn kéo dài trong những phiên đầu tuần tới. Do đó, chiến lược giao dịch trong phiên tới vẫn là bám theo đà tăng, canh mua với các nhịp vống xuống của thị trường. Do đó, nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cân nhắc là 1520-1523 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1518 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1536-1539 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

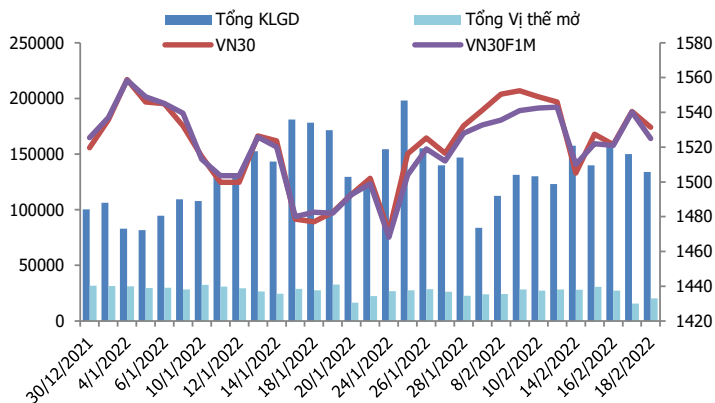
Nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading, tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh về hỗ trợ sẽ là cơ hội để mở lệnh Mua. Vùng giá cân nhắc là 1520-1523 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1518 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1536-1539 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

Chiến lược giao dịch spread

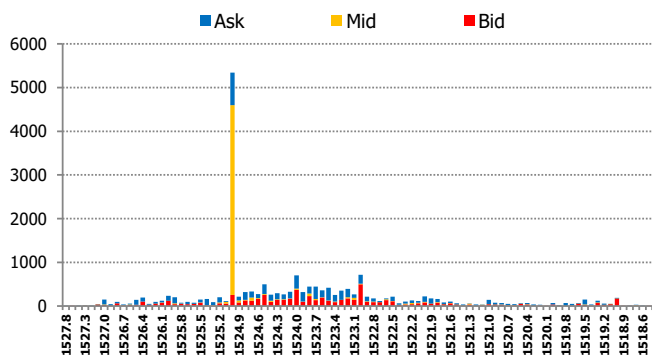
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|--------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2203 | 1525.0 | -0.33 | 133,830 | 0.9 | 19,511 | 30.8 |
| VN30F2204 | 1523.0 | #N/A N | 195 | -98.9 | 100 | |
| VN30F2206 | 1509.0 | -0.53 | 1 | -94.7 | 503 | 0.2 |
| VN30F2209 | 1513.0 | 0.13 | 18 | -14.3 | 279 | 0.4 |
| Tổng | | | 134,044 | -10.6 | 20,393 | 29.9 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Diễn biến co giãn, giằng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch, các hợp đồng phân hoá mạnh với mức dao động từ -16 đến +2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,04 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 10,63% so với phiên liền trước, đạt 134.044 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 02 với 133.830 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại mua ròng HĐTL tháng 03 với 1.260 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 900 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2203 là 1.531,42 điểm (cao hơn 6,42 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2204 là 1.532,93 điểm (+9,93 điểm), VN30F2206 là 1.537,88 điểm (+28,88 điểm) và VN30F2209 là 1.542,84 điểm (+29,84 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

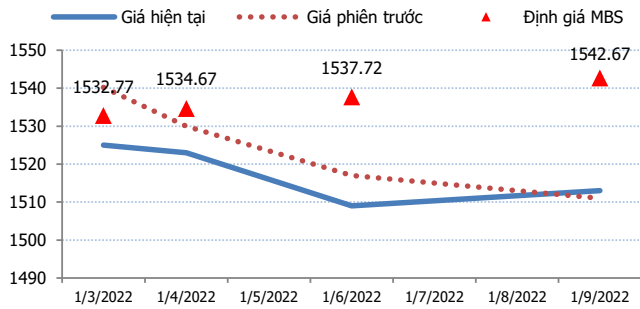
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | SELL | SELL | BUY |
| Hỗ trợ | 1520-1523 | 1515-1519 | 1478-1486 |
| Kháng cự | 1528-1531 | 1536-1539 | 1560-1569 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|--------|
| VN30F2M - VN30F1M | -2 | -10.20 | 8.2 | -2.18 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -16 | -23.20 | 7.2 | -13.36 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -14 | -13.00 | -1.0 | -11.18 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -12 | -29.20 | 17.2 | -14.58 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -10 | -19.00 | 9 | -12.4 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | 4 | -6.00 | 10 | -1.22 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



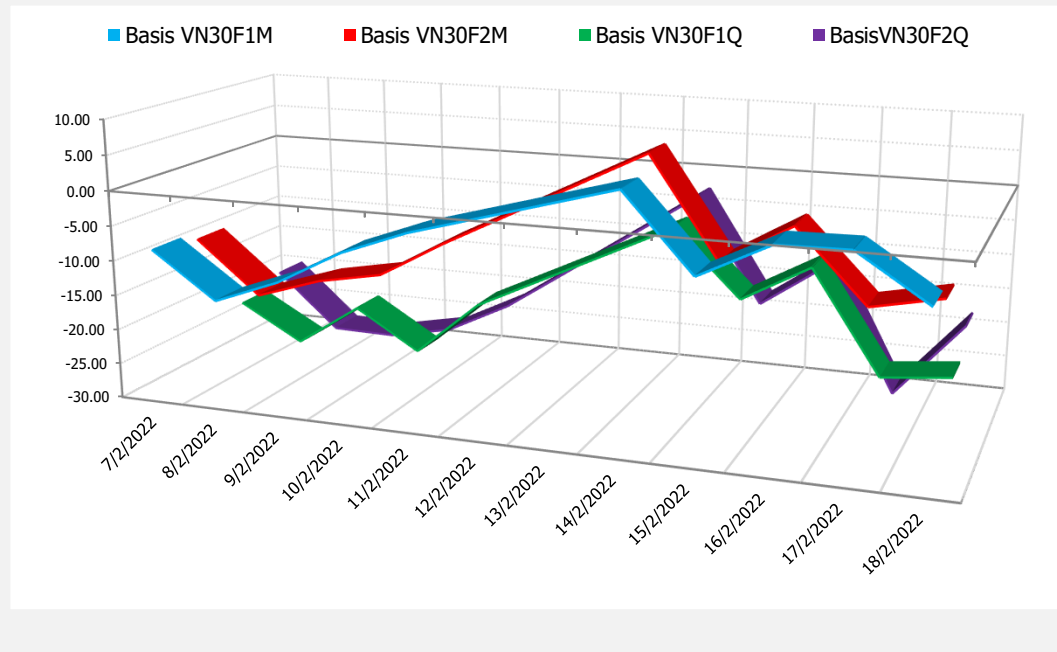
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

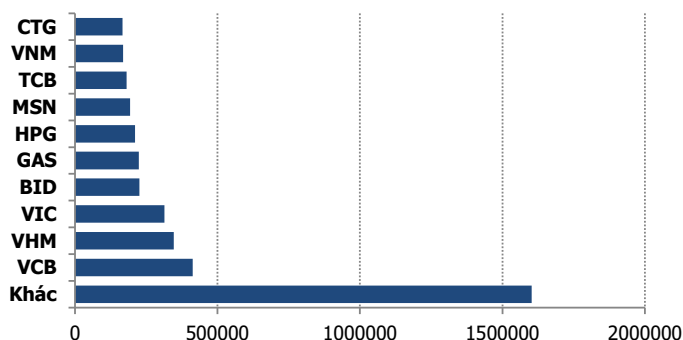
- Diễn biến co giập, giãng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch, các hợp đồng phân hoá mạnh với mức dao động từ -16 đến +2 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 9,04 điểm. Do đó, basis của các HĐTL cải thiện mạnh so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 tăng lên -6,47 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng tăng lên -8,67 điểm vào cuối phiên giao dịch.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -16 điểm đến +4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2203-VN30F2202) tăng thêm 8,2 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

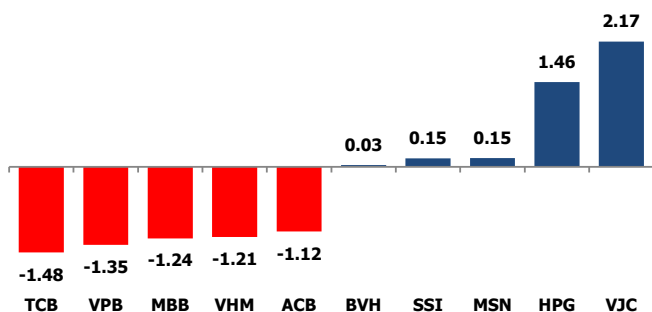


| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1504.84 | 1531.47 |
| Thay đổi | -3.15 | -9.04 |
| %Chg | -0.21 | -0.59 |
| YTD | 0.44 | -0.28 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,935.81 | 4,044.76 |
| P/E | 17.11 | 14.05 |
| P/B | 2.63 | 2.70 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân đẩy các chỉ số chính quay trở lại đà giảm điểm. Số mã giảm điểm (25) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (5) và 0 mã đứng tham chiếu. TCB và VPB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,48 điểm và -1,35 điểm; ngoài ra MBB, VHM hay ACB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 9,04 điểm (-0,59%) xuống 1.531,47 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 165,74 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 7.352 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhẹ với 64,95 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như KBC (+48 tỷ đồng), MSN (+43 tỷ đồng), DXG (+35 tỷ đồng), GMD (+34 tỷ đồng), PNJ (+28 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|--------|
| VNIndex | 1,504.84 | (0.21) | 17.11 | 0.44 |
| Dow Jones | 34,079.18 | (0.68) | 18.10 | (6.22) |
| S&P500 | 4,348.87 | (0.72) | 22.52 | (8.76) |
| Nikkei 225 | 27,122.07 | (0.41) | 15.52 | (5.80) |
| Shanghai | 3,490.76 | 0.66 | 14.95 | (4.09) |
| DAX | 15,042.51 | (1.47) | 14.92 | (5.30) |
| Vàng | 1,903.93 | 0.29 | | 4.09 |
| Đầu WTI | 92.49 | 1.56 | | 22.98 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---|----------|---------|---------|
| Thứ Hai - 14/02/2022 | | | |
| Nhật Bản - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4) | -0.9% | 1.4% | 1.3% |
| Thứ Ba - 15/02/2022 | | | |
| Anh - Chỉ số thu nhập trung bình + tiền thưởng (Tháng 12) | 4.2% | 3.8% | 4.3% |
| Anh - Thay đổi trợ cấp thất nghiệp (Tháng 1) | -51.6K | -28.0K | -31.9K |
| Đức - Chỉ số cảm tính kinh tế của ZEW (Tháng 2) | 51.7 | 55.0 | 54.3 |
| Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 1) | 0.4% | 0.5% | 1.0% |
| Thứ Tư - 16/02/2022 | | | |
| Anh - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 1) | 5.4% | 5.4% | 5.5% |
| Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1) | -2.8% | 0.8% | 3.3% |
| Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1) | -2.5% | 2.0% | 3.8% |
| Canada - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 1) | 0.0% | 0.0% | 0.8% |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | -4.756M | -1.572M | 1.121M |
| Thứ Năm - 17/02/2022 | | | |
| Úc - Thay đổi việc làm (Tháng 1) | 64.8K | -15.0K | 12.9K |
| Mỹ - Giấy phép xây dựng (Tháng 1) | 1.885M | 1.760M | 1.899M |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 225K | 219K | 248K |
| Mỹ - Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (Tháng 2) | 23.2 | 20.0 | 16.0 |
| Thứ Sáu - 18/02/2022 | | | |
| Anh - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1) | -4.0% | 1.0% | 1.9% |
| Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 12) | 1.1% | -2.0% | -2.5% |
| Mỹ - Doanh số bán nhà hiện tại (Tháng 1) | 6.09M | 6.10M | 6.50M |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm điểm vào ngày thứ Sáu (18/02) và ghi nhận 2 tuần giảm liên tiếp, khi xung đột Nga – Ukraine khiến nhà đầu tư lo ngại. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones rớt 232,85 điểm (-0,7%) xuống 34.079,18 điểm. Chỉ số S&P 500 lùi 0,7% xuống 4.348,87 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite mất 1,2% còn 13.548,07 điểm. Các chỉ số chính đều giảm hơn 1% trong tuần qua. Căng thẳng đang diễn ra giữa Nga và Ukraine tiếp tục chi phối diễn biến thị trường.
- Giá dầu Brent xóa sạch đà giảm và ghi nhận sắc xanh vào ngày thứ Sáu (18/02), nhưng vẫn giảm trong tuần qua. Triển vọng tăng xuất khẩu dầu của Iran đã lấn át những lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung do cuộc khủng hoảng Nga – Ukraine. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 57 xu (+0,6%) lên 93,54 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 69 xu (-0,75%) còn 91,07 USD/thùng.
- Giá vàng giảm nhẹ vào ngày thứ Sáu (18/02), rút khỏi mức quan trọng 1.900 USD/oz khi hy vọng vào cuộc đàm phán Mỹ - Nga xoa dịu tâm trên các thị trường, nhưng lo ngại kéo dài về Ukraine khiến vàng tăng tuần thứ 3 liên tiếp. Khép phiên, hợp đồng vàng giao ngay hạ 0,1% xuống 1.896,04 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai mất 0,1% còn 1.899,80 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 TCB, VPB và MBB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 giảm điểm trở lại. Trong đó, TCB gây ảnh hưởng -1,48 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|---|--------------|---------|-------|-------|----------|---------------|-------|------|
| TCB | Banks | 8.32 | 51,600 | -1.15 | 0.97% | 338.206 | -1.48 | 10.39 | 2.07 |
| HPG | Metals & Mining | 8.18 | 47,050 | 1.18 | 3.47% | 1007.382 | 1.46 | 6.64 | 2.50 |
| VPB | Banks | 7.89 | 35,900 | -1.10 | 0.84% | 347.414 | -1.35 | 12.91 | 2.56 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 6.04 | 82,200 | -1.08 | 0.98% | 239.819 | -1.01 | 65.87 | 3.08 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 5.75 | 79,700 | -1.36 | 0.88% | 269.431 | -1.21 | 8.97 | 3.04 |
| ACB | Banks | 5.49 | 33,850 | -1.31 | 1.63% | 248.694 | -1.12 | 9.41 | 2.15 |
| MSN | Food Products | 5.45 | 163,300 | 0.18 | 3.90% | 192.012 | 0.15 | 80.40 | 8.96 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 5.03 | 92,200 | -0.65 | 0.87% | 56.97 | -0.50 | 20.75 | 4.93 |
| MBB | Banks | 4.79 | 32,650 | -1.66 | 1.54% | 408.797 | -1.24 | 11.10 | 2.20 |
| VNM | Food Products | 4.76 | 80,600 | -0.25 | 0.87% | 145.421 | -0.18 | 17.87 | 5.42 |
| MWG | Specialty Retail | 4.39 | 134,000 | -0.37 | 1.44% | 62.189 | -0.25 | 21.86 | 5.08 |
| STB | Banks | 4.22 | 33,350 | -1.62 | 1.81% | 619.096 | -1.07 | 17.83 | 1.88 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 3.75 | 78,500 | -0.63 | 1.55% | 251.407 | -0.37 | 43.27 | 4.43 |
| VCB | Banks | 3.21 | 87,200 | -0.34 | 1.27% | 92.809 | -0.17 | 19.53 | 3.77 |
| HDB | Banks | 2.91 | 29,500 | -0.84 | 1.37% | 109.858 | -0.38 | 10.49 | 2.13 |
| VJC | Airlines | 2.85 | 149,000 | 5.23 | 6.35% | 205.834 | 2.17 | 65.62 | 4.77 |
| TPB | Banks | 2.74 | 40,800 | -0.85 | 1.73% | 153.23 | -0.36 | 12.43 | 2.61 |
| SSI | Capital Markets | 2.20 | 45,200 | 0.44 | 3.15% | 422.959 | 0.15 | 20.81 | 3.28 |
| CTG | Banks | 1.76 | 34,600 | -0.86 | 1.16% | 288.04 | -0.23 | 10.03 | 1.75 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.69 | 33,600 | -2.47 | 2.54% | 209.436 | -0.65 | 35.23 | 2.50 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.59 | 54,000 | -1.64 | 1.48% | 50.993 | -0.41 | 29.09 | 3.55 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.46 | 107,000 | -0.83 | 1.78% | 61.481 | -0.19 | 25.39 | 4.38 |
| PDR | Capital Markets | 1.27 | 91,200 | -0.87 | 3.23% | 312.693 | -0.17 | 28.13 | 7.18 |
| SAB | Food Products | 0.84 | 169,400 | -0.65 | 1.86% | 31.799 | -0.08 | 28.79 | 5.12 |
| GAS | Gas Utilities | 0.79 | 117,000 | -1.43 | 2.95% | 85.744 | -0.18 | 27.32 | 4.56 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Produce | 0.77 | 18,550 | -0.27 | 2.73% | 346.283 | -0.03 | 14.97 | 1.44 |
| BID | Banks | 0.64 | 44,700 | -2.83 | 3.02% | 135.34 | -0.28 | 22.95 | 2.73 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.54 | 59,800 | -0.33 | 1.85% | 104.826 | -0.03 | 22.57 | 3.10 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.38 | 33,600 | -1.18 | 1.35% | 53.405 | -0.07 | 27.00 | 2.73 |
| BVH | Beverages | 0.30 | 57,300 | 0.70 | 2.84% | 49.355 | 0.03 | 23.17 | 2.00 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | | GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | | GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đinh Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |